

02/07/2019

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **163/2024/DS -ST**

Ngày: 26/6/2024

*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thụy

2. Ông Phùng Ngọc Toàn

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga -Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà Đào Linh Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2024/TLST- DS ngày 13/3/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2024/QĐXX-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam

Trụ sở 22 Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, HN

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lô Thành Trung, Bà Đinh Thị Phương Uyên theo giấy ủy quyền số 23463/UQ-PVB ngày 24 tháng 10 năm 2023. Bà Uyên có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn : Bà Bùi Thị H- sinh năm 1976

ĐKNKTT: P406A1 phố Th, phường Th ,Quận Ba Đình, Hà Nội

Nơi ở : Số 5 ngõ 678 Đường L, phường Gi, Quận Ba Đình, Hà Nội

BàH có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam trình bày:

Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (gọi tắt là PVcombank) và bên vay bà Bùi Thị H đã ký kết các Hợp đồng tín dụng gồm hợp đồng tín dụng số 2808/2021/HĐTD/PVB-TTBHN-HAN ký ngày 30/8/2021, Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 20/10/2021 và Hợp đồng tín dụng số

7006/2022 HĐTD/PVB-TTBHN-HAN ký ngày 20/6/2022 hợp đồng
2808/2021/HĐTD/PVB-TTBHN-HAN ký ngày 30/8/2021 thẻ tín dụng vay trả góp số
tiền 250.000.000 đồng thời hạn 60 tháng số tiền giải ngân 250.000.000 đồng mục
đích vay tiêu dùng. Dư nợ gốc tại thời điểm hiện tại 183.263.777 đồng.

Hợp đồng 7006/2022 HĐTD/PVB-TTBHN-HAN ký ngày 20/6/2022 thẻ tín
dụng vay trả góp số tiền 40.000.000 đồng thời hạn 60 tháng số tiền giải ngân
40.000.000 đồng mục đích vay tiêu dùng. Dư nợ gốc 3,996,006 đồng.

Thực hiện hợp đồng ngân hàng đã giải ngân cho bà H 320.000.000 đồng trong
đó thẻ tín dụng 30.000.000 đồng, vay trả góp tổng 290.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng bà H mới chỉ
thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cụ thể :

+Hợp đồng 2808/2021/HĐTD/PVB-TTBHN-HAN nợ gốc đã trả 66,736,223
đồng , nợ lãi 48,247,832 đồng.Tổng cộng 114,984,055 đồng .

+Hợp đồng 7006/2022 HĐTD/PVB-TTBHN-HAN ký ngày 20/6/2022 nợ gốc
3,996,006 đồng , nợ lãi đã trả 3,286,929 đồng.Tổng cộng 7,282,935 đồng.

Đến thời điểm hiện tại toàn bộ khoản vay chuyển thành nợ quá hạn với mức lãi
suất quá hạn theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, ngân hàng đã nhiều lần
đôn đốc, gửi thông báo và liên hệ để làm việc nhưng bàH không thực hiện thanh toán
theo yêu cầu của ngân hàng.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng đề nghị Tòa án giải
quyết những yêu cầu sau :

Buộc bà H phải trả cho ngân hàng tổng dư nợ còn thiếu tạm tính đến ngày
09/10/2023 là 281,642,878 đồng trong đó:

+Thẻ tín dụng 29.779.923 đồng (gốc 17.054.540 đồng, lãi + phí 12.725.383
đồng)

+HĐ vay trả góp số 2808/2021/HĐTD/PVB-TTBHN-HAN số tiền
210.590.423 đồng (nợ gốc 183.263.777 đồng, lãi 27.326.646 đồng) .

+HĐ vay trả góp số 7006/2022/HĐTD/PVB-TTBHN-HAN số tiền nợ gốc
36.003.994 đồng , lãi 5.268.538 đồng).

-Buộc bà H phải trả nợ cho ngân hàng các khoản lãi, phí phát sinh với mức lãi
suất thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 09/10/2023 cho đến khi tất
toán khoản nợ.

-Trường hợp bà H không trả nợ được khoản vay thì ngân hàng có quyền yêu
cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên các tài sản khác và khấu trừ nguồn thu hợp
pháp của bàH.

Bị đơn bà Bùi Thị H trình bày : Xác nhận có ký 3 Hợp đồng tín dụng gồm hợp
đồng tín dụng số 2808/2021/HĐTD/PVB-TTBHN-HAN ký ngày 30/8/2021, Giấy đề
nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 20/10/2021 và Hợp
đồng tín dụng số 7006/2022 HĐTD/PVB-TTBHN-HAN ký ngày 20/6/2022 với các

điều khoản theo nội dung đã ký kết. Số tiền nợ gốc theo ngân hàng xác nhận là đúng. Đối với khoản lãi đề nghị ngân hàng xem xét giảm lãi.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày đề nghị Tòa án buộc bà Bùi Thị H phải thanh toán trả nợ ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán tạm tính đến ngày 25/6/2024 tổng số tiền 320.817.366 đồng. Trong đó nợ gốc còn lại chưa thanh toán 236,322,311 đồng, Lãi trong hạn khoản vay trả góp 50.539.230 đồng, (2 hợp đồng vay trả góp), Lãi quá hạn khoản vay trả góp 19.603.693 đồng. Lãi thẻ tín dụng 13.751.083 đồng. Phí thẻ 4.079.971 đồng.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án các Hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng vay trả góp, Đơn đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được các bên tự nguyện ký kết, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật. Bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với bà Bùi Thị H. Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, Ngân hàng không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Bùi Thị H có hộ khẩu tại phường Th, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận Ba Đình theo điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015. Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. *Về nội dung:* Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (gọi tắt là Pcombank) và bên vay bà Bùi Thị H đã ký kết các Hợp đồng tín dụng gồm hợp đồng tín dụng số 2808/2021/HĐTD/PVB-TTBHN-HAN ký ngày 30/8/2021, Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 20/10/2021 và Hợp đồng tín dụng số 7006/2022 HĐTD/PVB-TTBHN-HAN ký ngày 20/6/2022, hợp đồng 2808/2021/HĐTD/PVB-TTBHN-HAN ký ngày 30/8/2021 vay trả góp số tiền 250.000.000 đồng thời hạn 60 tháng số tiền giải ngân 250.000.000 đồng mục đích vay tiêu dùng. Dư nợ gốc tại thời điểm hiện tại 183,263,777 đồng.

+Hợp đồng 7006/2022 HĐTD/PVB-TTBHN-HAN ký ngày 20/6/2022 thẻ tín dụng vay trả góp, số tiền 40.000.000 đồng thời hạn 60 tháng số tiền giải ngân

40.000.000 đồng mục đích vay tiêu dùng .Dư nợ gốc tại thời điểm hiện tại 36,003,994 đồng.

+Thẻ tín dụng số tiền 29.779.923 đồng (gốc 17.054.540 đồng, lãi + phí 12.725.383 đồng)

Thực hiện các hợp đồng , ngân hàng đã giải ngân cho bà H tổng 320,000,000 đồng trong đó thẻ tín dụng 30.000.000 đồng, vay trả góp 290.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng bà H mới chỉ thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Hợp đồng tín dụng, Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế được các bên tự nguyện ký kết, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật. Bà H vi phạm thời điểm thanh toán đối với các khoản vay.Số tiền tạm tính đến ngày 25/6/2024 tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 236,322,311 đồng, Lãi trong hạn khoản vay trả góp 50.539.230 đồng (2 hợp đồng vay trả góp), Lãi quá hạn khoản vay trả góp 19.603.693 đồng.Lãi thẻ tín dụng 13.751.083 đồng. Phí thẻ 4.079.971 đồng.Tổng cộng đồng 320.817.459 đồng.Ngân hàng yêu cầu bàH phải trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

-Bà H phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh theo quy định tại Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2024 cho đến ngày thanh toán xong khoản nợ gốc.

[3].Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

[4].Về án phí: Bà H phải chịu 16.040.868 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền 7.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0005918 ngày 12/3/2024 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

[5].Về quyền kháng cáo:Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39;khoản 1 Điều 147; Khoản 1,2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ vào các Điều 91,95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank) đối với bà Bùi Thị H

2. Buộc bà Bùi Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank) số tiền nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng tín dụng, Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank MasterCard số tiền tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán tạm tính đến ngày 25/6/2024 gồm : Nợ gốc 236,322,311 đồng, Lãi trong hạn đối với 2 khoản vay trả góp 50.539.230 đồng, lãi quá hạn đối với 2 khoản vay trả góp 19.603.693 đồng, lãi thẻ tín dụng 13.751.083 đồng, phí thẻ 4.079.971 đồng. Tổng cộng 320.817.459 đồng.

Kể từ ngày 26/6/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà H phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận theo các Hợp đồng tín dụng gồm hợp đồng tín dụng, Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3.Về án phí: Bà H phải chịu 16.040.868 đồng án phí sơ thẩm dân sự

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank) số tiền 7.000.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai số 0005018 ngày 12/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

-Theo Điều 269 BLTTDS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Thủy

trả góp từ ngày 10/5/2021, Hợp đồng tín dụng 7006 thời điểm vi phạm từ ngày 5/8/2022) .Sau thời điểm vi phạm có cam kết trả nợ nhưng không thực hiện.

2. Buộc bàH phải trả nợ cho ngân hàng các khoản lãi , phí phát sinh với mức lãi suất thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 26/6/2024 cho đến khi tất toán khoản nợ.

3.Trường hợp bàH không trả nợ tất toán được khoản vay thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên các tài sản khác và khấu trừ nguồn thu hợp pháp của bàH.

Từ ngày BàH không thanh toán trả ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ mặc dù ngân hàng đã nhiều lần thông báo trả nợ nhưng vẫn không trả nợ cho ngân hàng.

ạ
i Ngân h
à

ng TMCP Đông

Á

—

Chi nhánh B

ì

nh Đ

ì

nh như sau:

S

ố

ti

ề

n vay: 20.000.0

00 đồng

;

Th

ờ

i h

ạ

n vay

: 12

thán

g

;

L

ã

i su

ấ

t vay

:

1

1

,0%/năm

(l

ã

i

vay

t

í

nh trên dư n

ợ
ban đ
à
u)
;
M
ụ
c đ
í
ch
vay
:
B
ồ
sung v
ổ
n kinh
doanh
.
T
à
i s
ả
n đ
ả
m b
ả
o: T
í
n ch
ấ
p
.
Phương th
ứ
c tr
ả
n
ợ
:

Tr
ả
v
ố
n v
à
l
ã
i h
à
ng th
á
ng
,
1
1
th
á
ng đ
à
u m
ổ
i th
á
ng tr
ả
2.000
.000 đ
ồ
ng, th
á
ng cu
ố
i tr
ả
200.000
đ
ồ
ng
.

V
ó
i s
ố
ti
ề
n vay, l
ã
i su
á
t v
à
k
ý
h
ạ
n như trên th
ì
b
à
S
ph
ả
i tr
ả
cho Ngân h
à
ng
t
ổ
ng s
ố
ti
ề
n l
à
: 22.200.000 đ
ồ
ng (trong đ
ó

, v
ố
n g
ố
c l
à
: 20.000.000 đ
ồ
ng, ti
ề
n l
ã
i l
à
:
2.200.000 đ
ồ
ng).
T
ừ ngày 1
2
/
01
/
2015 đến ngày
03/4/2018
,
b
à
S
ch
ỉ
tr
ả
s
ố
ti
ề
n:
1

5.650.000

đồng

(

trong đó tiền gốc là

: 13.450.000

đ

ồng

, tiền lãi trong hạn là

:

2.200.000 đ

ồng

).

Sau đ

ó

b

à

S

không tr

ả

n

ợ

cho ngân h

à

ng

l

à

đ

ã

vi ph

ạ

m ngh

ĩ

a v

ụ

tr

ả

n

ợ

.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông b

á
o tr
ả
n
ợ
, nhưng
b
à
S
v
à
ông T
v
ã
n
4
không tr
ả
n
ợ
đ
à
y đ
ủ
cho Ngân h
à
ng.
Do đó
nay
N
gân hàng
yêu cầu
b
à
S
phải có nghĩa vụ trả
g
ố
c v
à

l
ã
i c
ò
n n
ợ
t
í
nh đ
ế
n ng
à
y 1
7
/

5/2024

l
à
:

16.452.784 đồng

(Bằng chữ:

Mười

sáu

tri

ệ

u

bốn trăm

năm mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi tư nghìn

đ

ồ

ng

)

, trong đó: tiền vốn là

6.550.000 đồng, tiền lãi quá hạn: 9.902.784 đồng

,

v

à

tr

ả

l

ã
i ph
á
t sinh t
ừ
ng
à
y
1
8
/
5/2024
cho đ
ế
n khi tr
ả
h
ế
t n
ợ
.
Trường hợp
b
à
S
không trả hoặc trả
nợ
không
đầy đủ số tiền trên thì
ông T
phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thay cho
b
à
S
với tổng số tiền như trên và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ (
theo giấy đăng
ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ phê duyệt ngày
06/01
/
2015

)
là có căn cứ
và phù hợp theo quy định tại các Điều
335, 342, 357, 463, 466 và 468 BLDS 2015
và Điều
91,
95 Luật các tổ chức tín dụng
nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

.
[
3
]
V
ề
á
n ph
í
dân sự
sơ thẩm
:
Theo quy định
tại
khoản
2

Điều 26 Nghị
quyết 326/2
016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và
lệ phí Tòa
án
thì
b
à
S
phải chịu
:
822.639
đ
ồ
ng

.

Hoàn lại cho Ng

ân

hàng TMCP Đông

Á

:

3

81.

000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 00001

39

ngày

20/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự

-

Thành phố Quy Nhơn.

[

4

]

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

là phù hợp

với

nhận định của H

ội đồng xét xử nên

chấp

nhận

.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

:

Căn cứ vào

khoản

2

Điều 227, Đi

ề

u 238 c

ủ

a Bộ luật T

ố tụng dân sự năm

2015

;

Tuyên xử

:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của
Ngân h

à

ng TMCP Đông

Á

.

1.

B

uộc

b

à

Huỳnh Thị S

phải có nghĩa vụ trả

cho

Ngân h

à

ng TMCP Đông

Á

số tiền

g

ố

c v

à

l

ã

i c

ò

n n

ợ

t

í

nh đ

ế

n ng

à

y

17/5/20

